| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ KT**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 40/2021/DS-ST
Ngày: 20 - 10 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KT**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Lên;

2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Trương Văn Công - là thư ký Tòa án nhân dân thị xã KT.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã KT tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã KT, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2021/TLST-DS, ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXX-ST ngày 01/7/2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp CC, xã T.B.T, huyện V.H, tỉnh Long An.

*2. Bị đơn*:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1973. (có mặt)

- Ông Trần Văn K, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp SĐ, xã Th.H, thị xã KT, tỉnh Long An.

*3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bà Trương Thị C, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp Tân An, xã Tân Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp CC, xã T.B.T, huyện V.H, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và phần trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:* Ông Nguyễn Văn Th yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc G và ông Trần Văn K liên đới trả số tiền nợ hụi là 23.500.000 đồng.

Về căn cứ khởi kiện:

Ông Th có tham gia một phần trong dây hụi mở ngày 15/01/2020 do bà G làm chủ hụi, hụi 3.000.000 đồng/phần, hụi có 12 phần, khui hàng tháng, mãn hụi là ngày 15/12/2020, tiền hoa hồng cho chủ hụi là 1.500.000 đồng. Ông Th đã đóng được 11 kỳ từ tháng 01/2020 đến tháng 11/2020. Đến kỳ thứ 12 (kỳ cuối cùng) được lãnh hụi số tiền là 33.000.000 đồng. Ông Th đã yêu cầu nhiều lần thì bà G trả được 8.000.000 đồng. Như vậy sau khi cấn trừ tiền hoa hồng và 8.000.000 đồng đã trả thì số nợ còn 23.500.000 đồng, bà G hẹn đến ngày 11/4/2021 sẽ trả nhưng đến nay chưa trả.

Vì ông Th ở xa nên khi tham gia hụi bà G không giao giấy giao kèo hụi, hàng tháng ông chuyển tiền hụi cho bà G bằng hình thức có khi giao tiền trực tiếp, có khi chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. Thời gian đóng hụi từ ngày 15 đến ngày 18 hàng tháng. Số tiền đóng hụi là tiền chung của ông với vợ Trương Thị C. Ông cũng là đại diện theo ủy quyền của bà C, bà C thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông, ngoài ra không bổ sung gì thêm.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc G trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 16/6/2021, và tại phiên tòa:* Bà G và ông K là vợ chồng. Bà G mở nhiều dây hụi để lãnh hoa hồng (thu nhập) chi tiêu trong gia đình. Bà thừa nhận ông Th có tham gia một phần hụi trong dây hụi mở ngày 15/01/2020 do bà G làm chủ, hụi 3.000.000 đồng/phần, tổng 12 phần. Ông Th đã đóng hụi đến kỳ cuối thì được lãnh hụi số tiền 33.000.000 đồng, sau đó bà trả được một phần và trừ tiền hoa hồng thì bà G còn nợ 23.500.000 đồng. Nay hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

*Bị đơn ông Trần Văn K vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông K không có ý kiến trình bày.*

*Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*:

Về tố tụng: Từ khi vụ án được thụ lý đến trước khi xét xử cũng như tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định, riêng bị đơn ông Trần Văn K đã được cấp, tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K là đúng quy định Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Th trình bày có tham gia một phần trong dây hụi 12 phần mở ngày 15/01/2020 do bà G làm chủ hụi, 3.000.000 đồng/phần, ông Th đã đóng hụi được 11 kỳ, đến kỳ 12 được lãnh hụi là 33.000.000 đồng thì bà G chỉ mới trả 8.000.000 đồng. Sau khi trừ tiền hoa hồng thì số tiền còn lại 23.500.000 đồng bà G chưa giao nên ông Th yêu cầu trả. Bị đơn bà G thống nhất số tiền hụi nợ ông Th 23.500.000 đồng nhưng đề nghị được trả dần 500.000 đồng/tháng. Như vậy ông Th khởi kiện là có căn cứ. Tại phiên tòa ông Th đồng ý cho bị đơn trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, ngược lại bị đơn bà G đề nghị được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Do các bên không thỏa thuận được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về trách nhiệm liên đới: Bà G và ông K là vợ chồng, các dây hụi bà G tổ chức trong thời kỳ hôn nhân, tiền hoa hồng thu được sử dụng chi tiêu trong gia đình nên căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình có cơ sở buộc bà G và ông K liên đới trả nợ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn Th khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị Ngọc G liên đới trả tiền nợ hụi. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Th.H, thị xã KT nên căn cứ vào Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về hợp đồng góp hụi, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã KT.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên căn cứ Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Ông Trần Văn K đã được cấp, tống đạt văn bản tố tụng theo Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Ông Th và bà G thống nhất về việc ông Th có tham gia một phần trong dây hụi 12 phần mở ngày 15/01/2020 do bà G làm chủ, hụi 3.000.000 đồng/phần. Ông Th đóng được 11 kỳ hụi, đến kỳ hụi cuối được lãnh số tiền 33.000.000 đồng, bà G đã trả được 8.000.000 đồng và trừ tiền hoa hồng, số tiền hụi còn nợ 23.500.000 đồng. Do đó căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 có cơ sở xác định giữa các bên có xác lập giao dịch là hợp đồng góp hụi, chủ hụi là bà G còn nợ ông Th 23.500.000 đồng.

Bị đơn bà G đề nghị được trả dần 500.000 đồng/tháng, nguyên đơn ông Th chỉ đồng ý cho bị đơn trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy, dây hụi trên mở ngày 15/01/2020, đóng trong 12 kỳ tức mãn hụi là tháng 12/2020, ông Th được lãnh hụi nhưng đến nay bà G chưa giao đủ tiền hụi là vi phạm thỏa thuận nên ông Th yêu cầu bị đơn trả là có căn cứ theo Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Lẽ ra bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán một lần hết số nợ nhưng nguyên đơn ông Th đồng ý cho bị đơn trả dần, việc đồng ý cho trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm liên đới: Bà G và ông K là vợ chồng, các dây hụi do bà G tổ chức có lãnh hoa hồng làm thu nhập sử dụng trong gia đình. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình thì ông Th yêu cầu bà G và ông K liên đới trả nợ là có căn cứ.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 274, 275, 280, 288 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà Nguyễn Thị Ngọc G và ông Trần Văn K.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc G và ông Trần Văn K có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Th số tiền 23.500.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Thời gian và phương thức trả như sau: Mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, thời gian bắt đầu tính từ ngày 20/10/2021, tháng cuối cùng là ngày 20/9/2023 trả 1.500.000 đồng.

Trường hợp bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Nguyễn Thị Ngọc G và ông Trần Văn K phải liên đới nộp 1.175.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 587.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009647 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã KT.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Th, bà G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã KT;
- Chi cục THADS thị xã KT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Dương Thị Tuyết Nhung**